

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ

trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2653/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang tại Tờ trình số 83/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường (*đính kèm phụ lục*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ các nội dung quy định tại thủ tục hành chính số thứ tự 3, 19, 23, 24 mục A; số thứ tự 1, 2, 4 mục B phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

2. Bãi bỏ các nội dung công bố tại thủ tục hành chính số thứ tự 1, 2 mục A phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

3. Bãi bỏ các nội dung công bố tại thủ tục hành chính số thứ tự 1 phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

4. Bãi bỏ thủ tục hành chính số thứ tự 22 mục A; số 8 mục B phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng

quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ với các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KT;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT, nthuy.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

DANH MỤC DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học				
1	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008 - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 - Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025
2	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008 - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 - Điều 11 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025
II	Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc - Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc - Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc - Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam: 09 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Luật Lâm nghiệp 2017; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025; - Khoản 5, Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025
2	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	26 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính;	Không quy định	Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			- Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.		16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác. - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT (Điều 6)
2	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: trong thời hạn 02 ngày làm việc.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh;	Không quy định	Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT (Điều 5)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				- Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: trong thời hạn 04 ngày làm việc.	- Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.		
3	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT (Điều 7)
4	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2024 được sửa đổi, bổ sung năm 2024.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT (Chương III)
5	1.008672	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Điều 44 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 - Điều 11 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 - Khoản 4, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 - Điều 10 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008 - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 - Điều 13 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008 - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 - Điều 21 Thông tư số

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc - Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc - Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc - Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Luật Lâm nghiệp 2017; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 - Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam: 09 ngày làm việc			

4. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh; Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh
B. Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	3.000154	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam	Lâm nghiệp và Kiểm lâm.	Chi cục Hải quan

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm				
1	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác. - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 (Điều 6)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác.			
2	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 - Khoản 8 Điều 12 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ
3	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã; - Đăng ký qua dịch vụ bưu chính; - Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.	Không quy định	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 - Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm

[illegible]